TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26 -5-2023
" V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Bé Sáu;

Ông Trương Minh Quang.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Kim Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa*:** Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hồng Ngự, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022, Thông báo mở lại phiên tòa xét xử vụ án số 03/TB-TA ngày 14/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và đòi lại tài sản", giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1988;

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (số điện thoại: 0944.995.412)

- Bị đơn: Anh Dương Bảo T, sinh năm 1986;

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền về phần tài sản của anh Dương Bảo T là: Ông Dương Minh H, sinh năm 1962 (giấy uỷ quyền ngày 29/12/2021);

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (số điện thoại 0919.119.836)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thanh H, sinh năm 1970.

Địa chỉ cư trú: số 59, Mai Thị N, thị trấn Bến L, huyện Bến , tỉnh Long An (số điện thoại: 0978.237.414)

2. Ngân hàng TMCP N (Vcombank);

Địa chỉ: Số 198, đường Trần Quang K, Hoàn K, Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Phan Duy P – Giám đốc Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền của ông P là ông Trần Văn D; Địa chỉ: Phòng giao dịch Hồng Ngự, số 44-46 đường Võ Văn K, phường An T, thành phố H, Đồng Tháp;

3. Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1962; Địa chỉ cư trú: Khóm 4, phường An T, thành phố H, Đồng Tháp.

4. Ông Dương Minh H, sinh năm 1962;

5. Chị Huỳnh Thị Kim P, sinh năm 1988

6. Anh Huỳnh Hữu C, sinh năm 1990;

7. Anh Huỳnh Tấn P, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 4, phường An T, thành phố H, Đồng Tháp;

8. Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ ;

Địa chỉ: Tầng 16, Toà nhà R, 235 Nguyễn Văn C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 11/11/2021, ngày 02/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim C thể hiện ý kiến như sau: Vào năm 2010 chị và anh Dương Bảo T cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An T, thành phố H, Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ ngày 14/6/2021 đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc nên chị C yêu cầu như sau:

- Về tình cảm: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Dương Bảo T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Huỳnh Khánh V, sinh năm 2012 và Dương Huỳnh Khánh A, sinh năm 2017. Trước đây, chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 01 tháng lương cơ sở đối với 01 con. Nay chị thống nhất không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, chị đảm bảo đủ khả năng kinh tế để lo tốt cho con chung.

- Về tài sản chung: Chị C cho rằng khi anh T bỏ nhà đi có lấy theo số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) từ số tiền vợ chồng chị vay của Ngân hàng

TMCP N nên chị yêu cầu anh T chia cho chị là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) nhưng vào ngày 15/5/2023 thì giữa chị và cha chồng chị ông Dương Minh Hanh là người đại diện theo ủy quyền của anh T đã thống nhất thỏa thuận được việc phân chia tài sản nên khoản tiền này chị đã có văn bản rút yêu cầu khởi kiện.

- Về tài sản riêng: Khi khởi kiện chị yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất 69,3m^2, thuộc thửa số 87, tờ bản đồ số 74 và một căn nhà cấp 4 trên diện tích đất này tại khóm 4, phường An T là tài sản riêng của chị (hiện chị đang quản lý, sử dụng). Đất do cha mẹ ruột chị cho tiền cá nhân chị để đấu giá mua vào năm 2014. Do trong quá trình chung sống vợ chồng nhằm thuận tiện cho việc vay tiền làm ăn nên chị để anh T cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn nhà được xây dựng từ nguồn tiền một phần của cha mẹ chị cho riêng chị và một phần chị vay thêm. Chị vay ngân hàng trả xong cho các khoản nợ này rồi nên căn nhà này là tài sản riêng của chị. Hiện căn nhà và đất này hiện đang thế chấp vay tiền của ngân hàng Vcombank với số tiền vay gốc là 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng), tiền lãi là do chị đóng cho Ngân hàng. Nay chị và anh T (do cha chồng chị là ông H đại diện theo ủy quyền) thống nhất thỏa thuận là chị được sở hữu toàn bộ phần diện tích đất, căn nhà và tài sản trong căn nhà thuộc thửa số 87, tờ bản đồ số 74 tại khóm 4, phường An T với điều kiện chị tự trả nợ của Ngân hàng TMCP N (Vcombank) nên chị rút yêu cầu khởi kiện.

- Về nợ chung: Đối với số nợ theo yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thanh H yêu cầu anh T trả 200.000.000đ trong 400.000.000đ thì nay các bên đã thỏa thuận được nên bà H đã rút yêu cầu độc lập, chị không tranh chấp gì thêm. Đối với số nợ gốc 900.000.000đ của Ngân hàng TMCP N (Vcombank) thì các bên đã thỏa thuận do chị thực hiện tốt nghĩa vụ trả nợ nên hiện tại Ngân hàng không khởi kiện trong vụ án này. Chị có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng khi nào Ngân hàng khởi kiện theo quy định nên chị không yêu cầu anh T trả ½ số nợ của Ngân hàng nữa.

Đối với việc anh T rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc chia đôi tài sản là diện tích đất 69,3m^2, thuộc thửa số 87, tờ bản đồ số 74, 01 căn nhà cấp 4 trên diện tích đất; 03 chiếc xe mô tô; 05 chỉ vàng 24kara, 01 bộ vòng vàng và số tiền 200.000.000đ thì chị không có ý kiến hay tranh chấp gì thêm.

Chị C thống nhất giá của các tài sản nêu trên theo giá của Hội đồng định giá đã định. Trong quá trình giải quyết vụ án chị có yêu cầu đưa Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ vào tham gia tố tụng vì chị cho rằng số tiền anh T đóng đối với hợp đồng bảo hiểm số U904247451 là tiền chung của vợ chồng. Tuy nhiên, giữa chị và người đại diện theo ủy quyền của anh T đã thỏa thuận xong, các bên sẽ trao đổi với Công ty bảo hiểm để ký văn bản thay đổi tên trong hợp đồng bảo

hiểm số U904247451 từ tên anh T sang tên của chị để tiếp tục hợp đồng bảo hiểm nhằm bảo vệ quyền lợi cho con chung là Khánh V nên các bên sẽ thực hiện theo nội dung thỏa thuận ngày 15/5/2023, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản khai và đơn yêu cầu đề ngày 07/3/2022, lời khai của anh T và người đại diện theo ủy quyền của anh T về phần tài sản và nợ là ông Dương Minh H trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện như sau:* Vào năm 2010 anh T và chị Huỳnh Thị Kim C cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ đầu năm 2021. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cải nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do một số lý do tế nhị như các tài liệu đã cung cấp cho Tòa án nên anh T có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh T thống nhất ly hôn với chị Huỳnh Thị Kim C.

- Về con chung: Có 02 con chung là Dương Huỳnh Khánh V, sinh năm 2012 và Dương Huỳnh Khánh A, sinh năm 2017. Anh T thống nhất để chị C được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là Khánh V và Khánh A. Các bên đã thống nhất anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung:

+ Đối với yêu cầu của chị C là chia đôi số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) thì anh T thừa nhận có lấy số tiền này, nguồn gốc số tiền có từ vay Ngân hàng TMCP N trong tổng số tiền vay gốc 900.000.000đ, anh T lấy 400.000.000đ mục đích trả ngân hàng 100.000.000đ để chuộc giấy bằng khoán đất về cho cha ruột là ông Dương Minh H, vì trước đó vợ chồng mượn bằng khoán của ông H để vay tiền, còn 300.000.000đ thì anh T quản lý, sử dụng từ khi ly thân cho tới nay để sử dụng phục vụ cuộc sống hằng ngày, vì khi ly thân anh T chưa có việc làm nên cần tiền để sinh sống. Nay chị C và ông H đã thỏa thuận xong nên C rút yêu cầu thì T thống nhất.

+ Đối với tài sản là diện tích đất 69,3m^2 và căn nhà cấp 04 trên đất thuộc thửa 87, tờ bản đồ số 74, tọa lạc tại khóm 4, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp đây là tài sản chung của vợ chồng. Nguồn gốc phần diện tích đất này là do cha mẹ C cho tiền vợ chồng T để mua nền nhà đấu giá của Nhà nước, thủ tục mua nền nhà bán đấu giá thì do chị C đại diện đi làm thủ thủ tục vì chủ hộ khẩu, còn căn nhà thì do vợ chồng xây dựng trong quá trình sống chung từ nguồn tiền thu nhập của vợ chồng. Trước đây, T yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản này, Tòa án giải quyết cho bên nào nhận tài sản thì bên đó phải trả lại 1/2 giá trị tài sản cho bên kia theo giá của Chứng thư thẩm định giá. Nay giữa chị C và anh T đã thống nhất thỏa thuận giao cho chị C được sở hữu diện tích đất 69,3m^2

cùng căn nhà cấp 04 trên đất và tài sản trong nhà thuộc thửa 87, tờ bản đồ số 74, tọa lạc tại khóm 4, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp với điều kiện chị C có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ của Ngân hàng TMCP N khi nào Ngân hàng yêu cầu, anh T không liên quan đến tài sản và nợ nữa.

+ Đối với các tài sản theo bản khai và đơn yêu cầu của anh T gồm: 03 chiếc xe mô tô; 05 (Năm) chỉ vàng 24 kara; 01 (một) bộ vòng vàng trắng và số tiền 200.000.000đ. Nay anh T và người đại diện theo ủy quyền là ông Dương Minh H đã có biên bản rút toàn bộ yêu cầu, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng có nợ của Ngân hàng TMCP N (Vcombank) số tiền vay gốc là 900.000.000đ và tiền lãi phát sinh (Tài sản thế chấp là nhà và đất thuộc thửa 87, tờ bản đồ số 74, tọa lạc tại khóm 4, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp). Theo đơn yêu cầu thì anh T yêu cầu chia đôi số nợ. Số tiền này sử dụng vào mục đích là 200.000.000đ trả cho bà H, 220.000.000đ trả cho L (Thi hành án), 300.000.000đ anh T lấy đi làm ăn, 100.000.000đ lấy giấy chứng nhận QSD đất cho cha mẹ anh, 80.000.000đ chị C mua vàng trắng đeo. Trước đây, Anh T thống nhất đây là nợ chung của vợ chồng, vợ chồng cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng. Nay anh T thống nhất để chị C được sở hữu đất, nhà trên đất và tài sản trong nhà thuộc thửa 87, tờ bản đồ số 74, tọa lạc tại khóm 4, phường An T, thành phố H, Ngự, tỉnh Đồng Tháp với điều kiện một mình chị C có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng khi nào Ngân hàng có yêu cầu. Các bên đã thỏa thuận xong nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Đối với yêu cầu độc lập của bà H về việc yêu cầu anh T trả số tiền 200.000.000đ mà bà H yêu cầu và chị C trình bày thì anh T không thống nhất. Vì trước đó, vợ chồng có vay của bà H 200.000.000đ nhưng đã trả xong, không còn nợ bà H số tiền nào nữa. Nay bà H đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập nên anh T cũng không ý kiến gì thêm.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thanh H vắng mặt tại phiên tòa (có đơn) nhưng trong quá trình giải quyết vụ án có đơn yêu cầu độc lập và bản tự khai thể hiện ý kiến như sau*: Vào tháng 06 năm 2019, bà có cho vợ chồng C, T vay 400.000.000đ để lo cho nhu cầu gia đình. Nay được biết vợ chồng Cương, T ly hôn nên bà yêu cầu trả C đã thống nhất trả cho bà ½ số nợ là 200.000.000đ, còn lại số tiền 200.000.000đ thì T phải có nghĩa vụ trả cho bà. Nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả cho bà số tiền vay còn nợ là 200.000.000đ, không tính lãi. Nay bà H có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn N vắng mặt tại phiên tòa (có đơn) nhưng căn cứ vào lời khai của ông N trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện như sau*: Đối với phần diện tích đất 69,3m^2, thuộc thửa 87, tờ bản

đồ số 74, tọa lạc tại khóm 4, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp là tài sản riêng của C vì vào năm 2014 vợ chồng ông có cho C tiền để mua nền nhà này từ đấu giá của Nhà nước (nay vợ ông đã chết), khi cho thì vợ chồng C đã cưới, sống chung. Tiền xây nhà từ đâu mà có thì ông không rõ. Trong quá trình giải quyết vụ án ông có đơn yêu cầu độc lập buộc vợ chồng C, T trả lại nền nhà tranh chấp cho ông. Nay ông đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Minh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng căn cứ vào lời khai của ông H trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện như sau*: Ông thống nhất với trình bày và ý kiến của con ông là anh Dương Bảo T. Đối với số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) mà T trả nợ Ngân hàng để chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông vì trước đó vợ chồng T mượn giấy tờ đất của ông đi thế chấp thì nay số tiền này các bên đã thỏa thuận xong, không tranh chấp nữa nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP N vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện như sau*: Ngân hàng TMCP N (Vcombank) phòng giao dịch Hồng Ngự có cho chị C vay 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng), Hợp đồng thế chấp tài sản do vợ chồng C ký tên đối với diện tích đất 69,3m^2 và căn nhà cấp 04 trên diện tích đất thuộc thửa 87, tờ bản đồ số 74, tọa lạc tại khóm 4, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Trong thời gian vay thì khách hàng thực hiện tốt nghĩa vụ, chưa vi phạm hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng không lập thủ tục khởi kiện. Tòa án có thông tin về việc chị C và ông H là người đại diện theo ủy quyền của anh T đã thống nhất giao cho chị C được sở hữu toàn bộ tài sản là căn nhà, tài sản trong nhà gắn liền với đất thuộc thửa 87, Tờ bản đồ số 74, diện tích 69,3m^2 sang để Cương đứng tên và C sẽ trả nợ vay 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh của Ngân hàng TMCP N. Việc thỏa thuận này, anh Trần Văn D là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng cũng thống nhất vì hiện nay đương sự thực hiện tốt nghĩa vụ theo hợp đồng. Nếu sau này đương sự vi phạm nghĩa vụ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện sau để yêu cầu chị C trả số nợ và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định. Ngoài ra, Ngân hàng không khởi kiện hay yêu cầu gì thêm trong vụ án.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm chị Huỳnh Thị Kim P, anh Huỳnh Hữu C và anh Huỳnh Tấn P là con của vợ chồng ông Huỳnh Văn N tất cả đều có đơn xin vắng mặt:* Chị P, anh C, anh P thống nhất ý kiến của ông N, không yêu cầu hay tranh chấp gì trong vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ vắng mặt tại phiên tòa, chưa có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án:* Chị C và người

đại diện theo ủy quyền của anh T đã thống nhất thực hiện theo nội dung biên bản ngày 15/5/2023 nên không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Về tình cảm: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị C và anh T. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị C và anh T, thống nhất để chị C tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Điều này phù hợp nguyện vọng của con chung. Anh T được quyền thăm nuôi, chăm sóc con chung theo quy định. Về tài sản chung: Do các đương sự đã tự thỏa thuận và đều có đơn rút yêu cầu nên đề nghị đình chỉ đối với yêu cầu này của đương sự. Về nợ chung: Bà H có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập nên đề nghị đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của bà H. Đối với số nợ của Ngân hàng TMCP N thì Ngân hàng đã có ý kiến không khởi kiện tranh chấp trong vụ án này và chị C, anh T đã có văn bản rút yêu cầu đối với số nợ nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Khi nào Ngân hàng có tranh chấp đối với hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định. Đối với việc ông N rút toàn bộ yêu cầu độc lập thì đề nghị đình chỉ đối với yêu cầu này của ông Na.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn, tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và đòi lại tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28, khoản 2, khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim C; bị đơn anh Dương Bảo T, ông Dương Minh H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Dương Bảo T; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Minh H, bà Huỳnh Thanh H, Ngân hàng TMCP N, ông Huỳnh Văn N, chị Huỳnh Thị Kim P, anh Huỳnh Hữu C, anh Huỳnh Tấn P tất cả có đơn xin vắng mặt. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ vắng mặt không rõ lý do, tuy nhiên chị C và người đại diện theo ủy quyền của anh T đã thỏa thuận xong đối với hợp đồng bảo hiểm, không yêu

cầu giải quyết nên việc vắng mặt của Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim C với bị đơn anh Dương Bảo T, Hội đồng xét xử nhận định: Chị C và anh T cưới nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp nên hôn nhân giữa anh, chị là hôn nhân hợp pháp. Chị C yêu cầu ly hôn, anh T cũng thống nhất ly hôn nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh chị là phù hợp.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Huỳnh Khánh V, sinh năm 2012 và Dương Huỳnh Khánh A, sinh năm 2017, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, anh T cũng thống nhất. Hai cháu Khánh V và Khánh A thể hiện nguyện vọng muốn sống với mẹ nên sự thỏa thuận của chị C và anh T là đúng quy định và nguyện vọng của hai con chung. Chị C thống nhất không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Do đó, chị C được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là phù hợp. Sau khi ly hôn thì anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định pháp luật nhưng không được lợi dụng việc thăm nuôi con mà ảnh làm ảnh hưởng đến cuộc sống của chị C và con chung. Chị C cũng không được cản trở anh T trong việc thăm nuôi, chăm sóc hai con chung theo quy định.

- Về tài sản chung: Đối với phần đất diện tích 69,3m^2 và một căn nhà cấp 4 trên đất và các tài sản trong nhà thuộc thửa số 87, tờ bản đồ số 74 tại khóm 4, phường An T thì anh T thống nhất giao cho chị C được đứng tên sở hữu với điều kiện chị C trả nợ Ngân hàng TMCP N khi Ngân hàng có yêu cầu. Đối với các tài sản theo đơn yêu cầu của chị C và anh T thì các đương sự thống nhất tự thỏa thuận nên rút yêu cầu khởi kiện đối với tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn theo quy định là phù hợp.

- Về nợ chung: Đối với số nợ gốc 900.000.000đ và lãi phát sinh của Ngân hàng TMCP N chị C và ông H là người đại diện theo ủy quyền của anh T đã thỏa thuận chị C có trách nhiệm trả khi Ngân hàng có yêu cầu và Ngân hàng cũng thống nhất nên Ngân hàng có ý kiến không khởi kiện trong vụ án này. Chị C có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP N khi nào Ngân hàng khởi kiện theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với yêu cầu của đương sự về nợ chung.

Đối với yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thanh H thì bà H đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ theo quy định là phù hợp.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Văn N thì ông N đã có đơn rút yêu cầu nên đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của ông N theo quy định.

[3] Về án phí sơ thẩm:

- Chị C phải chịu theo quy định của pháp luật đối với yêu cầu ly hôn, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu về chia tài sản khi ly hôn mà chị rút đơn;

- Anh Dương Bảo T, bà Huỳnh Thanh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định vì có đơn rút toàn bộ yêu cầu.

- Ông Huỳnh Văn N là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định.

[4] Về chi phí tố tụng:

+ Phần chị Huỳnh Thị Kim C đã tạm ứng chi là 4.159.000đ (Bốn triệu, một trăm năm mươi chín nghìn đồng), chị C thống nhất chịu (đã nộp và chi xong). Chị C đã nhận lại số tiền chênh lệch.

+ Phần anh Dương Bảo T do ông Dương Minh H làm đại diện theo ủy quyền đã tạm ứng chi là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), ông H thống nhất chịu (đã nộp và chi xong).

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 12, Điều 14, Điều 15 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Kim C và anh Dương Bảo T.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị C và anh T.

+ Chị Huỳnh Thị Kim C được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung tên Dương Huỳnh Khánh V, sinh năm 2012 và Dương Huỳnh Khánh A, sinh năm 2017, anh Dương Bảo T không cấp dưỡng nuôi con do chị C thống nhất không yêu cầu.

+ Chị Huỳnh Thị Kim C cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh T cũng không được lợi dụng quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà làm ảnh hưởng đến cuộc sống của chị C và hai con.

- Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn của chị C và anh T.

- Về nợ chung:

+ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về nợ của chị C và anh T do Các đương sự thống nhất không yêu cầu. Đối với hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp của Ngân hàng TMCP N sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu khởi kiện theo quy định.

+ Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thanh H do bà H rút yêu cầu.

+ Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Văn N do ông N rút yêu cầu.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc chị Huỳnh Thị Kim C chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là số tiền 10.301.000đ theo Biên lai số 0006424 ngày 10/12/2021, chị C được nhận lại số tiền chênh lệch 10.001.000đ (Mười triệu, không trăm lẻ một nghìn đồng);

+ Anh Dương Bảo T được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp là 4.587.500đ (Bốn triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) theo biên lai số 0006510 ngày 18/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự;

+ Bà Huỳnh Thanh H được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp là 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo biên lai số 0006457 ngày 07/01/2022.

+ Ông Huỳnh Văn N được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định.

- Về chi phí tố tụng: Đương sự đã nộp và chi xong.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014)".

Nơi nhận:
- Các Đương sự;
- VKSND TP. Hồng Ngự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Thị Mỹ Dung